

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 14 tháng 10 năm 2024.

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng  
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: [thongnhat.trc@gmail.com](mailto:thongnhat.trc@gmail.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý III năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/10/2024 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:*  
Báo cáo tài chính quý III năm 2024.

**Đại diện tổ chức  
Người ủy quyền công bố thông tin**



*Nguyễn Nhật Thành Lâm*

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



CP CAO SU THỐNG NHẤT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ III NĂM 2024**

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*  
*BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*  
*BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*  
*BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>199,183,147,316</b>	<b>202,569,925,259</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12,624,072,496</b>	<b>10,619,756,382</b>
Tiền	111		12,624,072,496	10,619,756,382
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>136,100,000,000</b>	<b>136,100,000,000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		136,100,000,000	136,100,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7,326,798,744</b>	<b>12,010,234,345</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7,459,057,414	7,111,095,895
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		912,895,885	1,116,431,709
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		4,327,002,330	9,079,531,676
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,372,156,885)	(5,296,824,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37,329,148,589</b>	<b>42,658,057,427</b>
Hàng tồn kho	141		37,329,148,589	42,658,057,427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,803,127,487</b>	<b>1,181,877,105</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,617,738,558	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		185,388,929	1,181,877,105
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>164,615,488,542</b>	<b>164,159,298,652</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>106,954,925,297</b>	<b>111,827,864,265</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		106,954,925,297	111,827,864,265
Nguyên giá	222		196,675,732,711	196,638,001,830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89,720,807,414)	(84,810,137,565)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17,913,434,297</b>	<b>16,865,793,308</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17,913,434,297	16,865,793,308
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33,111,175,704</b>	<b>31,611,175,704</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6,300,000,000	4,800,000,000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6,635,953,244</b>	<b>3,854,465,375</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		6,635,953,244	3,854,465,375
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>363,798,635,858</b>	<b>366,729,223,911</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>35,921,415,503</b>	<b>34,194,957,296</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35,921,415,503</b>	<b>34,194,957,296</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3,422,935,296	1,493,301,662
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,187,840,198	5,572,115,798
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		5,742,622,736	987,828,358
Phải trả người lao động	314		3,642,363,057	8,928,179,710
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65,000,000	271,228,600
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,235,692,067	2,158,878,255
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		17,624,962,149	14,783,424,913
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>327,877,220,355</b>	<b>332,534,266,615</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>327,877,220,355</b>	<b>332,534,266,615</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105,832,657,290	105,832,657,290
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29,544,563,065	34,201,609,325
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,527,420,125	34,201,609,325
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28,017,142,940	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>363,798,635,858</b>	<b>366,729,223,911</b>

 

**ĐINH TẤN THÔNG TIN**  
Người lập Bảng

**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế Toán Trưởng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 14 tháng 10 năm 2024

124  
Y  
N  
U  
T  
IA-VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

**Mẫu số B 02 - DN**

( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39,453,598,882	26,742,534,074	100,562,951,470	96,790,157,267
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>39,453,598,882</b>	<b>26,742,534,074</b>	<b>100,562,951,470</b>	<b>96,790,157,267</b>
Giá vốn hàng bán	11		26,946,590,793	23,309,525,072	76,852,388,117	82,761,057,238
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>12,507,008,089</b>	<b>3,433,009,002</b>	<b>23,710,563,353</b>	<b>14,029,100,029</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,457,099,536	3,412,728,713	15,291,874,909	21,152,758,407
Chi phí tài chính	22					463,756,165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		1,114,477,992	188,562,251	6,246,570,124	1,419,311,366
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,208,121,474	1,907,590,118	6,329,934,923	6,209,588,102
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10,641,508,159</b>	<b>4,749,585,346</b>	<b>26,425,933,215</b>	<b>27,089,202,803</b>
Thu nhập khác	31		5,138,874,768	570,078,781	6,031,037,769	5,200,033,585
Chi phí khác	32		357,408,500	103,487,547	989,783,440	1,328,197,449
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4,781,466,268</b>	<b>466,591,234</b>	<b>5,041,254,329</b>	<b>3,871,836,136</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15,422,974,427</b>	<b>5,216,176,580</b>	<b>31,467,187,544</b>	<b>30,961,038,939</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,173,654,023	979,948,548	3,450,044,604	3,256,097,985
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>13,249,320,404</b>	<b>4,236,228,032</b>	<b>28,017,142,940</b>	<b>27,704,940,954</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		688	220	1,455	1,439
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		688	220	1,455	1,439

**ĐINH TẤN THÔNG TIN**  
Người lập Bảng

**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 14 tháng 10 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	31,467,187,544	30,962,038,939	
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	7,804,842,889	9,705,877,329	
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	75,331,950		
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16,985,288,500)	(25,024,594,543)	
Chi phí lãi vay	06		-	
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>22,362,073,883</b>	<b>15,643,321,725</b>	
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1,702,643,573)	(14,465,740,471)	
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	5,328,908,838	(22,610,017,479)	
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1,749,866,244)	27,805,908,581	
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(8,399,226,427)	(6,580,008,479)	
Tiền lãi vay đã trả	13		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,457,188,563)	(5,963,853,569)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	3,081,537,236	(547,438,543)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16,463,595,150</b>	<b>(6,717,828,235)</b>	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,123,102,751)	7,988,430,105	
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	6,031,037,769	3,871,836,136	
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,500,000,000)	(8,900,000,000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,392,058,985	20,545,636,184	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>15,799,994,003</b>	<b>23,505,902,425</b>	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30,259,273,039)	(5,725,079,006)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30,259,273,039)</b>	<b>(5,725,079,006)</b>	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>2,004,316,114</b>	<b>13,061,995,184</b>	
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>10,619,756,382</b>	<b>3,983,258,871</b>	
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>12,624,072,496</b>	<b>17,045,254,055</b>	

  
ĐINH TẤN THÔNG TIN  
Người lập Bảng

  
TRẦN HỮU TRÍ  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 14 tháng 10 năm 2024

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Quý III Năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

### 7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

### 8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

#### 8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

#### 8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

### 10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

### 13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

-Hoạt động trồng trọt .chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2.Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế -xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc).Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt .chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế -xã hội khó khăn .Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế .

### 15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty cổ phần khu công nghiệp Hố Nai	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH công nghiệp NaNo Hợp Nhất APA	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	405.059.823	592.351.310
- Tiền gửi ngân hàng	12.219.012.673	10.027.405.072
- Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>12.624.072.496</b>	<b>10.619.756.382</b>

a) Chi tiết tiền mặt	VNĐ	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	319.230.866		319.230.866
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	15.999.923		15.999.923
Tại quỹ NTCS Phong Phú	102.524		102.524
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	66.920.586		66.920.586
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất 2	2.805.924		2.805.924
<b>Tổng cộng:</b>	<b>405.059.823</b>	-	<b>405.059.823</b>

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VNĐ	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	2.635.164.318		2.635.164.318
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	4.322.292		4.322.292
Ngân hàng NN&PTNT CN Phú Nhuận TP.HCM	868.000		868.000
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	2.423.798		2.423.798
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
Vietcombank Bà Rịa	52.810.070		52.810.070
BIDVBank -Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1.298.323		1.298.323
Sacombank - CN huyện Châu Đức	9.517.957.517		9.517.957.517
Agribank - CN huyện Châu Đức	2.927.165		2.927.165
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.115.800		1.115.800
<b>Tổng cộng:</b>	<b>12.219.012.673</b>		<b>12.219.012.673</b>

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		-
<b>Tổng cộng:</b>		-
<b>Tổng cộng:</b>		-

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>b1) Ngắn hạn</b>	<b>136.100.000.000</b>	<b>136.100.000.000</b>		<b>136.100.000.000</b>	<b>136.100.000.000</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn	136.100.000.000	136.100.000.000		136.100.000.000	136.100.000.000	
- Trái phiếu						
<b>b2) Dài hạn</b>						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
<b>Tổng công (b1+b2)</b>	<b>136.100.000.000</b>	<b>136.100.000.000</b>		<b>136.100.000.000</b>	<b>136.100.000.000</b>	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(\*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.459.057.414</b>	<b>4.588.004.935</b>	<b>7.111.095.895</b>	<b>4.589.004.935</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.079.180.000	4.079.180.000	4.079.180.000	4.079.180.000
Công ty TNHH SX TM Hòa Phát Thiện	323.606.849		-	
Công ty cổ phần cao su Hòa Bình	-		1.534.680.000	
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	-		36.747.060	
Công ty TNHH Thế Giới Trái Cây Vina	88.760.000			
Ông Hoàng Thịnh	150.663.900		170.663.900	
Ông Trần Tuấn Thành	770.000.000		780.000.000	
Công ty cổ phần cao su Xuân Lộc	1.538.021.730		-	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	508.824.935	508.824.935	509.824.935	509.824.935
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.459.057.414</b>	<b>4.588.004.935</b>	<b>7.111.095.895</b>	<b>4.589.004.935</b>

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>912.895.885</b>	<b>1.116.431.709</b>
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000
Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000	20.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty CP Công Nghệ Sinh học Cây Giống VN		188.978.190
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Vy Vy		51.800.000
Công ty CP Công nghiệp Nông Nghiệp Xanh	188.365.393	
Công ty TNHH SXTM DV Nông nghiệp Châu Đức	10.370.000	
Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng SHS	79.180.100	
Công TNHH Sản xuất thương mại Vạn Lợi	54.450.000	
Cty TNHH TM DV Cơ Khí Nhôm Kính Hương Việt		34.992.000
Công ty TNHH XD TM SX Uy Long		387.172.510
Trả tiền vật tư , nguyên liệu	138.030.392	10.989.009
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>912.895.885</b>	<b>1.116.431.709</b>

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.327.002.330</b>		<b>9.079.531.676</b>	-
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	770.963.934		206.476.640	
Phải thu thuế TNCN người lao động	309.982.072		401.368.143	
Lãi tiền gửi phải thu	2.731.260.274		7.681.625.000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	96.976.050		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)				
Các khoản phải thu – Cty TNHH SX TM XK Minh Quyền			5.000.000	
Phải thu khác			304.580.000	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước			44.661.893	
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.327.002.330</b>		<b>9.079.531.676</b>	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>5.372.156.885</b>	<b>5.296.824.935</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000	4.407.000.000
Dương Thị Yên	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340	10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160	34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Hoàng Thịnh	75.331.950	
Anh Hoàng – Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Trần Tuấn Thành	380.000.000	380.000.000
Dương Văn Lợi	20.000.000	20.000.000
<b>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

<b>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.372.156.885</b>	<b>5.296.824.935</b>

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Tổng cộng:</b>					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	7.747.887.990		5.433.361.027	
- Công cụ, dụng cụ	2.255.396.158		2.159.159.558	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.229.250.271		27.883.386.884	-
- Thành phẩm	8.096.614.170		7.182.149.958	
- Hàng hoá		-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>37.329.148.589</b>	<b>-</b>	<b>42.658.057.427</b>	<b>-</b>

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>17.913.434.297</b>	<b>-</b>	<b>16.865.793.308</b>	<b>-</b>
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	3.375.461.365		2.953.530.070	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	10.018.369.655		11.993.614.797	
Vườn Sầu Riêng Đội	3.393.701.914		1.835.315.952	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

NNUDCNCTN1				
Chi phí mua sắm TSCĐ chờ kết chuyển	1.042.568.874			
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>17.913.434.297</b>	-	<b>16.865.793.308</b>	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>65.723.707.311</b>	<b>16.819.672.341</b>	<b>5.158.609.093</b>	<b>756.583.621</b>	<b>110.867.962.788</b>	<b>199.326.535.154</b>
- Mua trong năm			1.150.098.636			1.150.096.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán					3.460.901.080	3.460.901.080
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>65.723.707.311</b>	<b>16.819.672.341</b>	<b>6.308.707.729</b>	<b>756.583.621</b>	<b>107.407.061.708</b>	<b>197.015.732.710</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>42.410.055.860</b>	<b>15.545.068.736</b>	<b>4.602.787.568</b>	<b>685.678.617</b>	<b>25.376.885.169</b>	<b>88.620.475.950</b>
- Khấu hao trong năm	926.858.671	113.732.764	162.987.155	2.151.136	1.271.015.586	2.476.745.312
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán					1.376.413.848	1.376.413.848
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>43.336.914.531</b>	<b>15.658.801.500</b>	<b>4.765.774.723</b>	<b>687.829.753</b>	<b>25.271.486.907</b>	<b>89.720.807.414</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	23.313.651.451	1.274.603.605	555.821.525	70.905.004	85.491.077.619	110.706.059.204
- Tại ngày cuối năm	22.386.792.780	1.160.870.841	1.542.933.006	68.753.867	82.135.574.801	107.294.925.296

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	<b>340.000.000</b>
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	-	<b>340.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				<b>340.000.000</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	-	
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- Tại ngày cuối năm | - | - | - | -

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	20.305.297.889	14.687.559.331	5.617.738.558
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		4.385.837.193	3.293.429.200	1.092.407.993
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		6.951.550.863	5.182.067.500	1.769.483.363
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		2.269.510.179	1.880.670.731	388.839.448
Chi phí khác ( Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		6.698.399.654	4.331.391.900	2.367.007.754
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.854.465.375</b>	<b>5.101.435.363</b>	<b>2.319.947.494</b>	<b>6.635.953.244</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	3.854.465.375	5.101.435.363	2.319.947.494	6.635.953.244
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.854.465.375</b>	<b>5.101.435.363</b>	<b>2.319.947.494</b>	<b>6.635.953.244</b>

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn:</b>	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
<b>Tổng cộng:</b>	-	-

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>3.422.935.296</b>	<b>3.422.935.296</b>	<b>1.493.301.662</b>	
Trần Cường	22.750.000	22.750.000	30.400.000	
Nguyễn Ngọc Thạch	32.650.000	32.650.000	27.850.000	
Phạm Văn Sơn	33.250.000	33.250.000	33.650.000	
Ngô Văn Từ	7.850.000	7.850.000	37.250.000	
Trần Thị Chi			51.550.000	
Trần Thanh Tú	9.700.000	9.700.000	32.950.000	
Hà Quốc Linh	72.300.000	72.300.000	111.350.000	
Nguyễn Chí Lượng	72.650.000	72.650.000	34.550.000	
Nguyễn Thị Nhân	9.300.000	9.300.000	29.800.000	
Nguyễn Văn Hải	29.400.000	29.400.000	142.551.950	
Vũ Xuân Thắc	14.050.000	14.050.000	23.500.000	
Đỗ Đức Minh	66.950.000	66.950.000		
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			781.555.027	
Công ty CP cao su Hòa Bình	678.049.200	678.049.200	156.344.685	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Công ty TNHH Phân bón Duy Thiên	791.875.000	791.875.000		
Công ty TNHH TM DV XD Hòa Phát Đạt	164.086.296	164.086.296		
Ký Hữu Trí	50.000.000	50.000.000		
Cty CP Công Nghệ Sinh học Cây Giống Việt Nam	106.231.200	106.231.200		
Chiu A Sy	79.500.000	79.500.000		
Công ty TNHH SX TM Băng Keo Thọ Phát	13.017.600	13.017.600		
Công ty TNHH Vật Liệu Đóng Gói Thụy Phong	34.716.000	34.716.000		
Công ty cổ phần SOP Phú Mỹ	346.750.00	346.750.000		
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	787.860.000	787.860.000		
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hồng Tường		5.384.971.200
Lài Ngọc Bội	50.000.000	
Công ty TNHH MTV Hoàng Liêm	444.500.000	
Bùi Văn Quý		160.269.400
Công ty TNHH Hưng Nhơn	2.308.700.000	
Công ty TNHH Real Farm	99.392.000	
Tiền phải thu từ khách hàng khác	285.248.198	26.875.198
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.187.840.198</b>	<b>5.572.115.798</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	96.852.709	2.191.996.825	1.598.160.863	690.688.851
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế Xuất nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	889.909.409	3.510.321.599	2.517.465.558	1.882.765.450
Thuế thu nhập cá nhân (*)		356.803.454	521.688.119	
Thuế tài nguyên	1.066.240	8.022.400	11.691.520	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		11.001.794.780	6.668.650.624	3.169.168.435
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>987.828.358</b>	<b>17.017.939.058</b>	<b>11.326.656.684</b>	<b>5.742.622.736</b>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>1.181.877.105</i>			<i>185.388.929</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>987.828.358</i>			<i>5.742.622.736</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

<b>18. Phải trả người lao động</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền lương còn lại phải trả	3.642.363.057	8.928.179.710
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.642.363.057</b>	<b>8.928.179.710</b>

<b>19. Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>65.000.000</b>	<b>271.228.600</b>
Tiền ăn giữa ca		
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>		10.998.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>		135.600.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>		12.978.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất 2</i>	7.500.000	7.920.000
<i>Chi phí kiểm toán BCTC, trích trước Đảng phí, quân sự</i>	57.500.000	103.732.600
<b>b) Dài hạn</b>	<b>65.000.000</b>	<b>271.228.600</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>65.000.000</b>	<b>271.228.600</b>

<b>20. Phải trả khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.235.692.067</b>	<b>2.158.878.255</b>
<i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21.700.000	21.700.000
<i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49.200.000	49.200.000
<i>DNTN Lê Khánh</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16.695.000	16.695.000
<i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	13.824.971	13.824.971
<i>Ông Lý Nhân Tâm</i>		
<i>Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ</i>	26.000.000	26.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK</i>	39.622.000	39.622.000
<i>Cơ khí Thanh Hào</i>		26.524.890
<i>Công ty TNHH TM DV Cơ Khí nhôm kính Hương Việt</i>	27.553.797	11.262.600
<i>Công ty TNHH Bào Minh Anh</i>		5.508.000
<i>Công ty TNHH Đại Thiên Tân</i>	10.366.296	10.366.296
<i>Công ty TNHH XDTM SX Uy Long</i>	23.758.313	0
<i>Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền</i>		288.584.628
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.432.544.788	1.275.162.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	200.000.000	
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.235.692.067</b>	<b>2.158.878.255</b>

<b>21. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
<b>Cộng</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
<b>Tổng cộng:</b>	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.678.039.200	2.824.466.760	2.723.100.000	5.779.405.960
Quỹ phúc lợi	9.105.385.713	6.653.404.440	3.913.233.964	11.845.556.189
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	159.300.000	159.300.000	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>14.783.424.913</b>	<b>9.637.171.200</b>	<b>6.795.633.964</b>	<b>17.624.962.149</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>105.832.657.290</b>	<b>34.201.609.325</b>	<b>332.534.266.615</b>
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giảm khác				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>105.832.657.290</b>	<b>34.201.609.325</b>	<b>332.534.266.615</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>105.832.657.290</b>	<b>29.544.563.065</b>	<b>327.877.220.355</b>
- Lãi trong năm nay			28.017.142.940	28.017.142.940
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Lợi nhuận năm trước còn giữ lại			1.527.420.125	1.527.420.125
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>105.832.657.290</b>	<b>29.544.563.065</b>	<b>327.877.220.355</b>
		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000		94.325.000.000
<b>Cộng</b>	<b>192.500.000.000</b>		<b>192.500.000.000</b>

<b>c) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

**\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

<b>25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>	<b>Quý III</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán mũ cao su	23.889.428.782	19.459.820.174	42.135.391.270	63.212.592.867
Doanh thu gia công mũ cao su	4.374.333.600	978.332.000	4.975.230.000	1.982.661.200
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến				
Doanh thu bán chuối xen canh				1.487.200.000
Doanh thu bán chuối	11.189.836.500	5.438.638.100	51.579.282.200	27.643.411.400
Doanh thu khác		865.743.800	1.873.048.000	2.464.291.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.453.598.882</b>	<b>26.742.534.074</b>	<b>100.562.951.470</b>	<b>96.790.157.267</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>Quý III</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>3. Giá vốn hàng bán:</b>	<b>Quý III</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán mũ cao su	16.808.678.939	17.956.661.292	30.345.059.095	58.436.610.853

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Giá vốn gia công mủ cao su	3.915.585.354	779.051.930	4.465.202.126	1.655.442.425
Giá vốn mủ SVR thu mua chế biến				
Giá vốn bán chuối xen canh				
Giá vốn bán chuối	6.222.326.500	4.412.057.000	41.065.334.441	20.731.140.300
Giá vốn bán hợp tác				1.095.294.949
Giá vốn khác		161.754.850	976.792.455	842.568.711
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.946.590.793</b>	<b>23.309.525.072</b>	<b>76.852.388.117</b>	<b>82.761.057.238</b>
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.946.590.793</b>	<b>23.309.525.072</b>	<b>76.852.388.117</b>	<b>82.761.057.238</b>

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.457.099.536	3.412.728.713	6.081.311.763	8.830.273.872
Cổ tức, lợi nhuận được chia			9.210.563.146	12.322.484.535
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.457.099.536</b>	<b>3.412.728.713</b>	<b>15.291.874.909</b>	<b>21.152.758.407</b>

5. Chi phí tài chính:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay				463.756.165
Chi phí tài chính khác				
<b>Tổng cộng</b>				<b>463.756.165</b>

6. Chi phí bán hàng:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bóc xếp	2.800.000	30.595.037	14.654.325	64.779.037
Chi phí vật tư đóng chuối thành phẩm	1.111.677.992	157.967.214	6.231.915.799	1.354.532.329
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.114.477.992</b>	<b>188.562.251</b>	<b>6.246.570.124</b>	<b>1.419.311.366</b>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.354.992.850	1.325.179.958	3.977.736.338	3.892.935.672
Khấu hao tài sản cố định	90.118.996	96.187.489	277.316.044	288.562.467
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Chi phí trợ cấp mất việc làm	178.255.500		213.420.000	249.137.000
Thuế, phí và lệ phí			3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	584.754.128	486.222.671	1.783.130.591	1.775.952.963
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu			75.331.950	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.208.121.474</b>	<b>1.907.590.118</b>	<b>6.329.934.923</b>	<b>6.209.588.102</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý		-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.208.121.474</b>	<b>1.907.590.118</b>	<b>6.329.934.923</b>	<b>6.209.588.102</b>

8. Thu nhập khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	6.350.000.000	-	6.350.000.000	3.020.000.000
Thu từ bán mù bọt nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	-		17.200.000
Thu khác	873.362.000	570.078.781	1.765.525.001	3.991.834.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.223.362.000</b>	<b>570.078.781</b>	<b>8.115.525.001</b>	<b>7.029.034.690</b>
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	2.084.487.232		2.084.487.232	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.138.874.768</b>	<b>570.078.781</b>	<b>6.031.037.769</b>	<b>7.029.034.690</b>

9. Chi phí khác	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	-	-	96.267.280
Chi phí thanh lý cây cao su				998.004.731
Chi phí khác	357.408.500	103.487.547	989.783.440	233.925.438
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>				
<b>Tổng cộng</b>	<b>357.408.500</b>	<b>103.487.547</b>	<b>989.783.440</b>	<b>1.328.197.449</b>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.249.320.404	4.236.228.032	28.017.142.941	27.704.940.954
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	13.249.320.404	4.236.228.032	28.017.142.941	27.704.940.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>688</b>	<b>220</b>	<b>1.455</b>	<b>1.439</b>

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý III		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.535.145.792	27.334.473.379	30.738.923.339	45.894.993.773
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.623.388.435	2.063.329.749	7.167.300.937	6.498.098.147
- Chi phí nhân công	12.673.196.727	12.819.428.357	33.667.058.541	26.657.753.998
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.476.745.312	2.512.311.418	7.824.178.784	7.365.249.932
- Chi phí khác bằng	3.322.599.466	23.693.949.582	12.576.505.047	54.959.423.805

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

tiền				
<b>Cộng</b>	<b>33.631.075.732</b>	<b>68.423.492.485</b>	<b>91.973.966.648</b>	<b>141.375.519.655</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

*Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban điều hành, thực nhận trong kỳ.*

*Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ*

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý III/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	0	0
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	90.000.000
Lê Trung Đức	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	30.000.000	90.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	45.000.000
<b>Cộng</b>		<b>120.000.000</b>	<b>360.000.000</b>

***Lương Ban điều hành Công ty***

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý III/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	324.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	306.000.000
Trần Hữu Trí	Kế Toán Trưởng	60.000.000	180.000.000
<b>Cộng</b>		<b>270.000.000</b>	<b>810.000.000</b>

***Giao dịch với các bên có liên quan***

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
- Công ty cổ phần khu công nghiệp Hồ Nai	Cổ đông lớn.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Văn phòng công ty	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1, Đội Thống Nhất 2, Đội CS Phong Phú	Cộng
<b>1, Doanh thu thuần</b>	<b>48.983.669.270</b>	<b>51.579.282.200</b>	<b>100.562.951.470</b>
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3. Khấu hao	5.019.254.226	2.804.924.558	7.824.178.784
<b>4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>27.185.155.584</b>	<b>4.282.031.960</b>	<b>31.467.187.544</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			
6. Tài sản bộ phận	326.319.663.272	37.478.972.586	363.798.635.858
7. Tài sản không phân bổ			
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>326.319.663.272</b>	<b>37.478.972.586</b>	<b>363.798.635.858</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	35.825.271.503		35.825.271.503
9. Nợ phải trả không bộ phận			
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>35.825.271.503</b>		<b>35.825.271.503</b>

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Bà Rịa, ngày 14 tháng 10 năm 2024

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Dinh Tân Thông Tín

Trần Hữu Trí